TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST
Ngày 27 - 9- 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Tr

Ông Nguyễn Duy T

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Bích H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Diễm Kiều Tr - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1980**

Địa chỉ: Số nhà 24, tổ 28B, khu Phan Chu Trinh, phường Gi, thành phố V, tỉnh P. (Có mặt).

Bị đơn: **Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1988**

Địa chỉ: Tổ 18A, khu 2A, phường N, thành phố V, tỉnh P. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Trung T trình bày: Ngày 24/11/2020, anh có cho anh Nguyễn Anh T, sinh ngày 14/01/1988, số căn cước công dân 025088006853 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021, số điện thoại 0966683222. Hộ khẩu thường trú: Phường N, thành phố V, tỉnh P vay số tiền 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng chẵn)* để anh T sử dụng vào mục đích cá nhân. Anh Nguyễn Anh T có viết cho anh một Giấy xác nhận nợ ngày 24/11/2020 và cam kết đúng ngày 24/01/2021 sẽ hoàn trả cho anh số tiền trên, nhưng từ đó đến nay anh Nguyễn Anh T đã chây ì việc trả nợ tiền cho anh theo như đã cam kết. Vì vậy anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P buộc anh Nguyễn Anh T trả cho

anh số tiền gốc là 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng).* Ngoài ra buộc anh T phải trả cho anh lãi suất phát sinh của khoản tiền trên. Do trong Giấy xác nhận nợ ngày 24/11/2020 không ghi lãi suất mà lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng với nhau với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả cho anh tiền lãi là 0,83%/tháng tương đương là 10%/năm trên số tiền nợ gốc là 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng)* tính từ ngày 24/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Anh Nguyễn Trung T vẫn giữ nguyên quan điểm buộc Nguyễn Anh T phải trả cho anh tiền nợ gốc theo Giấy xác nhận nợ ngày 24/11/2020 là 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng).* Về khoản tiền lãi, anh thay đổi quan điểm đề nghị anh Nguyễn Anh T phải trả tiền lãi chậm trả cho anh tính từ ngày 25/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023 là 32 tháng 02 ngày với mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng với số tiền lãi là 106.461.333đ *(Một trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).* Tổng cả gốc và lãi anh Nguyễn Anh T phải trả cho anh là 506.461.333đ *(Năm trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).*

- Bị đơn anh Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Trung T có đơn từ chối công khai chứng cứ và từ chối hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 280, 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 162, Điều 180, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung T đối với anh Nguyễn Anh T về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

- Buộc anh Nguyễn Anh T phải trả cho anh Nguyễn Trung T số tiền nợ gốc là 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng)* và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023 là 32 tháng 02 ngày với mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng với số tiền lãi là 106.461.333đ *(Một trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).* Tổng cả gốc và là 506.461.333đ *(Năm trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về lệ phí tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Trung T phải chịu 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Xác nhận anh Nguyễn Trung T đã nộp đủ số tiền trên.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền giám định là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng).* Xác nhận nguyên đơn anh Nguyễn Trung T đã nộp đủ số tiền trên, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng chi phí giám định.

- Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Anh T phải chịu 24.258.453đ *(Hai mươi tư triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi ba đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án xác định đây là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn anh Nguyễn Trung T và bị đơn anh Nguyễn Anh T. Qua xác minh tại Công an phường N, thành phố V, tỉnh P xác định bị đơn anh Nguyễn Anh T có hộ khẩu thường trú tại tổ 18A, khu 2A, phường N, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt không lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, như vậy bị đơn đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, cứ theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Anh Nguyễn Trung T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Anh T phải trả cho anh số tiền vay theo Giấy xác nhận nợ ngày 24/11/2020 là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng)* tiền gốc và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023 là 32 tháng 02 ngày x 10%/năm (tương đương là 0,83%/tháng) là 106.461.333đ *(Một trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).* Tổng cả gốc và lãi là 506.461.333đ *(Năm trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).*

[2.2]. Về khoản tiền gốc: Tại Giấy xác nhận nợ ngày 24/11/2020 có nội dung: *"Hôm nay, ngày 24/11/2020 tại nhà 24, tổ 28B, khu Phan Chu Trinh, Gi, V, P. Tên tôi là Nguyễn Anh T, sinh ngày 14/01/1988, số điện thoại 0966683222, số CMND 131459678. HKTT: Khu 2B, N, V, P. Hiện công tác: Công an xã Văn Khúc - Công*

an huyện Cẩm Khê, P. Tôi xác nhận đến ngày 24/11/2020 tôi có cầm của anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1980, trú tại địa chỉ trên số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) để sử dụng việc cá nhân. Tôi hẹn anh T đúng ngày 24/01/2021 tôi sẽ hoàn trả đầy đủ cho anh T số tiền đã vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm". Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Anh T đến để trình bày ý kiến về nội dung giải quyết vụ án nhưng anh T vắng mặt. Để đảm bảo cho bị đơn nhận được thông tin về việc Tòa án đang giải quyết vụ án nên anh Nguyễn Trung T đã có đơn đề nghị Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho anh Nguyễn Anh T biết nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Để có căn cứ giải quyết vụ án được khách quan, đúng quy định pháp luật, ngày 26/7/2023 Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh P về thông tin của anh Nguyễn Anh T và được Công an huyện Cẩm Khê cung cấp thông tin như sau: *"Đồng chí Nguyễn Anh T, sinh năm 1988; Quê quán: Xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh P; Chỗ ở hiện nay: Phường N, thành phố V, tỉnh P; Đơn vị công tác: Công an xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh P được xuất ngũ kể từ ngày 16/6/2021 về địa phương phường N, thành phố V, tỉnh P".*

Qua thông tin anh Nguyễn Trung T cung cấp có thời gian anh Nguyễn Anh T còn công tác tại Công an thành phố V, tỉnh P. Vì vậy, ngày 31/7/2023 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an thành phố V, tỉnh P và được Công an thành phố V cung cấp: *"Qua kiểm tra hồ sơ quản lý cán bộ xác định có anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1988, số CMND 131459678, HKTT: phường N, thành phố V, tỉnh P, nguyên là cán bộ Công an thành phố V. Ngày 07/10/2019 được điều động về công tác tại Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố V. Công việc trực tiếp anh T được phân công là điều tra viên thụ lý các vụ án về lĩnh vực ma túy. Đến ngày 01/10/2020 được điều động về công tác tại Công an huyện Cẩm Khê. Quá trình công tác tại Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, anh T thụ lý nhiều vụ án trong đó có những vụ án thụ lý gần nhất cụ thể như sau:*

1. Trần Văn Thắng, sinh năm 1975, Kim Đức, V. Bắt ngày 20/12/2019 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Trần Văn Sỹ, sinh năm 1989, Yên Bình, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Bắt ngày 06/02/2020 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"...

Để có căn cứ chứng minh về việc anh Nguyễn Anh T với các thông tin như trên có phải là người vay số tiền 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng)* của anh Nguyễn Trung T như trong Giấy xác nhận nợ ngày 24/11/2020 là đúng hay không? Tòa án đã tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P giám định giữa mẫu cần giám định là Giấy xác nhận nợ ghi ngày 24/11/2020 với mẫu so sách là Biên bản xác minh đề ngày 07/02/2020 và Biên bản hỏi cung bị can đề ngày 09/02/2020 của điều tra viên đứng tên Nguyễn Anh T trong hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2020/TLST-HS ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P đối với bị cáo Trần Văn Sỹ, sinh năm 1989 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tại Kết luận giám định số 1045/KL-KTHS ngày 10/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P kết luận: *"Chữ ký đứng tên Nguyễn Anh T và chữ viết trên "Giấy xác nhận nợ" (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Anh T và chữ viết bằng mực đen điền vào các dòng chữ trên "Biên bản xác*

minh; Biên bản hỏi cung bị can" (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do một người ký và viết ra".

Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý khẳng định chữ viết trong Giấy xác nhận nợ đúng là do anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1988, số CMND 131459678 là người ký và viết ra. Anh Nguyễn Anh T còn ghi trong giấy xác nhận nợ *"Tôi đã nhận đủ số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng)"* và hẹn với anh Nguyễn Trung T đúng ngày 24/01/2021 sẽ hoàn trả đầy đủ cho anh T số tiền đã vay 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng).* Như vậy, tính đến thời điểm anh Nguyễn Trung T khởi kiện anh Nguyễn Anh T ra Tòa án nhân dân thành phố V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản thì anh Nguyễn Anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong Giấy xác nhận nợ. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung T buộc anh Nguyễn Anh T phải trả 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng)* tiền gốc là có căn cứ được chấp nhận.

[2.3]. Về khoản tiền lãi: Anh Nguyễn Trung T có trình bày trong Giấy xác nhận nợ ngày 24/11/2020 không ghi lãi suất mà lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng với nhau với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm anh thay đổi quan điểm không buộc anh Nguyễn Anh T phải trả lãi cho anh từ ngày 24/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm mà anh đề nghị anh Nguyễn Anh T phải trả lãi suất chậm trả trên số tiền nợ gốc là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng)* tính từ ngày 25/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023 là 32 tháng 02 ngày với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương là 0,83%/tháng) là 106.461.333đ *(Một trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)*. Căn cứ quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm thì trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt qúa mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm); nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (không quá 10%/năm). Trường hợp này, anh Nguyễn Trung T yêu cầu anh Nguyễn Anh T phải trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) trên số tiền chậm trả là 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng)* tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 25/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023 là 32 tháng 02 ngày là 106.461.333đ *(Một trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).* là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4]. Từ những căn cứ và phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung T được chấp nhận, vì vậy buộc anh Nguyễn Anh T phải trả cho anh Nguyễn Trung T tổng số tiền gốc và lãi là 506.461.333đ *(Năm trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).*

[3]. Về lệ phí tố tụng: Tổng số tiền lệ phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).* Do anh Nguyễn Trung T có đơn yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định trong trường hợp này, lệ phí

thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do đương sự có yêu cầu thông báo chịu. Do đó anh Nguyễn Trung T phải chịu số tiền trên. Xác nhận anh Nguyễn Trung T đã nộp đủ số tiền 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).*

[4]. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền giám định là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*. Xác nhận nguyên đơn anh Nguyễn Trung T đã nộp đủ số tiền trên, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng chi phí giám định.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nội dung khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[7]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 162; Điều 180, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung T đối với anh Nguyễn Anh T về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc anh Nguyễn Anh T phải trả cho anh Nguyễn Trung T số tiền nợ gốc là 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng)* và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/01/2021 đến ngày 27/9/2023 là 106.461.333đ *(Một trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).* Tổng số tiền cả gốc và lãi là 506.461.333đ *(Năm trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về lệ phí tố tụng: Anh Nguyễn Trung T phải chịu 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Xác nhận anh Nguyễn Trung T đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền giám định là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng).* Xác nhận anh Nguyễn Trung T đã nộp đủ số tiền trên (Theo Biên bản giao nhận cho phí tố tụng ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P). Buộc anh Nguyễn Anh T phải nộp lại số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* để trả lại cho anh Nguyễn Trung T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Anh T phải chịu 24.258.453đ *(Hai mươi tư triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi ba đồng).*

Anh Nguyễn Trung T được trả lại 11.600.000đ *(Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0010023 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị H